

Số: 60 /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ**

1. Bổ sung khoản 12 Điều 3 như sau:

“12. Dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ là hoạt động hỗ trợ phương tiện, tài sản trên phương tiện vận tải đường bộ khi gặp tai nạn, sự cố.”

2. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 4 như sau:

“c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải sử dụng lái xe đã có ít nhất 02 năm kinh nghiệm điều khiển xe khách có sức chứa từ 30 chỗ để điều khiển xe khách có giường nằm hai tầng.”

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Đơn vị tổ chức tập huấn:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải hoặc Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp hội vận tải ô tô địa phương tổ chức tập huấn cho lái xe kinh doanh vận tải và nhân viên phục vụ trên xe;

b) Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp hội vận tải ô tô địa phương tổ chức tập huấn cho người điều hành vận tải.”

4. Sửa đổi Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Đăng ký khai thác tuyến**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định được đăng ký khai thác tuyến.

2. Căn cứ quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Giao thông vận tải địa phương (đối với tuyến nội tỉnh) và Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến (đối với tuyến liên tỉnh) thống nhất và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở biểu đồ chạy xe của từng tuyến do Sở Giao thông vận tải quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục 1a và Phụ lục 1b ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời hạn công bố công khai biểu đồ chạy xe trên Trang Thông tin điện tử của Sở

a) Công bố lần đầu: trước ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Công bố định kỳ: vào ngày 01 tháng đầu tiên hàng quý;

c) Công bố đột xuất trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh.

4. Quy trình đăng ký khai thác tuyến

a) Căn cứ biểu đồ chạy xe với các giờ xe chạy chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác đã được công bố, doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động lựa chọn và gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này về Sở Giao thông vận tải nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công. Trường hợp đăng ký khai thác tuyến

không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tiên mà có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên (tính cho cả hai đầu tuyến) đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã biết việc tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Trường hợp chỉ có 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký thành công được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở, doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành công nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải để cấp phù hiệu xe chạy tuyến cố định. Hết thời hạn trên, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp hồ sơ thì coi như doanh nghiệp, hợp tác xã tự hủy bỏ đăng ký. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thông tin giờ xe chạy còn trống trên biểu đồ chạy xe trên Trang Thông tin điện tử của Sở.

5. Doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác trên tuyến không nằm trong quy hoạch mạng lưới tuyến do cơ quan có thẩm quyền công bố được tiếp tục khai thác theo phương án đã đăng ký trong thời gian không quá 24 tháng, kể từ ngày công bố quy hoạch.

Trước thời hạn nói trên 02 tháng, Sở Giao thông vận tải thông báo thời gian ngừng khai thác tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã đồng thời gửi bên xe hai đầu tuyến để các doanh nghiệp, hợp tác xã ngừng khai thác tuyến đúng quy định.”

5. Sửa đổi Điều 15 như sau:

**“Điều 15. Cơ quan quản lý tuyến, tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến**

1. Sở Giao thông vận tải quản lý các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh; Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu chủ trì, phối hợp với các Sở Giao thông vận tải liên quan quản lý tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, giải quyết xử lý các vấn đề phát sinh trên tuyến liên quan đến phương tiện do mình cấp phù hiệu.

2. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.”

6. Sửa đổi Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Hồ sơ đăng ký khai thác tuyến**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh bằng fax, thư điện tử, trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

2. Hồ sơ đăng ký khai thác tuyến bao gồm:

a) Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 18 như sau:

“a) Trước khi giảm số chuyến xe chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, doanh nghiệp, hợp tác xã phải gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin về việc giảm số chuyến xe chạy trên tuyến vào biểu đồ chạy xe, đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử của Sở.”

b) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 18.

8. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 37 như sau:

“b) Có hộp đèn với chữ “TAXI” gắn trên nóc xe, từ 18h đến 6h hộp đèn phải được bật sáng khi trên xe không có khách và tắt khi trên xe có khách.”

9. Sửa đổi khoản 6 và khoản 7 Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi khoản 6 Điều 51 như sau:

“6. Xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa phải có phù hiệu “XE TẢI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 27b của Thông tư này; xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa phải có phù hiệu “XE ĐẦU KÉO” theo mẫu quy định tại Phụ lục 4a của Thông tư này.”

b) Sửa đổi khoản 7 Điều 51 như sau:

“7. Xe có phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NƠ” được vận chuyển công-ten-nơ và hàng hóa khác. Xe có phù hiệu “XE TẢI” hoặc “XE ĐẦU KÉO” không được vận chuyển công-ten-nơ.”

10. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 54 như sau:

“a) Phù hiệu “XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH”, “XE BUÝT”, “XE TAXI”, “XE HỢP ĐỒNG”, “XE CÔNG-TEN-NƠ”, “XE TÁP”, “XE ĐẦU KÉO”, “XE TRUNG CHUYỂN” có giá trị theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vận tải và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.”

11. Sửa đổi khoản 3, điểm b khoản 5 và khoản 7 Điều 55 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 Điều 55 như sau:

“3. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô sau khi đã đăng ký khai thác tuyến thành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã và khi phù hiệu bị hết hiệu lực, bị mất, bị hư hỏng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Xe đang khai thác vận tải hành khách tuyến cố định, nếu có nhu cầu vận chuyển hành khách theo hợp đồng thì doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp phù hiệu xe hợp đồng và cam kết bằng văn bản đảm bảo chạy xe theo phương án khai thác tuyến cố định.”

b) Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 55 như sau:

“b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định tại khoản 12 Điều này.”

c) Bãi bỏ điểm c khoản 7 Điều 55.

12. Sửa đổi khoản 5 Điều 62 như sau:

“5. Xây dựng cơ sở dữ liệu, Trang Thông tin điện tử về hoạt động vận tải bằng xe ô tô. Quy định về mã số tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh và nội tỉnh. Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và triển khai ứng dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.”

13. Sửa đổi khoản 2, khoản 10 Điều 63 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 63 như sau:

“2. Báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam về tình hình hoạt động khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh và nội tỉnh.”

b) Sửa đổi khoản 10 Điều 63 như sau:

“10. Chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho người điều hành vận tải, lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe và công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của lái xe do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương hoặc Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp hội vận tải ô tô địa phương tổ chức theo quy định.”

14. Thay từ “tần suất” trong Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT bằng từ “số chuyến”.

15. Bổ sung Phụ lục 1a, Phụ lục 1b và Phụ lục 4a ban hành kèm theo Thông tư này vào Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT; bổ sung Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư này thay thế cho Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT; bổ sung Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này thay thế cho Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

16. Bãi bỏ Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- UBATGTQG;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, V.Tài (15b).



**Đình La Thăng**

### Phụ lục 1a

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60 /2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

## BIỂU ĐỒ CHẠY XE (DO SỞ GTVT NƠI ĐI XÂY DỰNG VÀ NIÊM YẾT)

- Tên tuyến: .....
- Bến xe nơi đi: .....; Bến xe nơi đến: .....
- Mã số tuyến: .....
- Hành trình tuyến: .....
- Cự ly tuyến: .....
- Tổng số chuyến xe/ngày/tháng: .....

| STT   | Giờ xe xuất bến các ngày trong tháng |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
|-------|--------------------------------------|---------|--------|---------|--------|---------|--------|---------|-----|--|---------|--|
|       | Ngày 1                               |         | Ngày 2 |         | Ngày 3 |         | Ngày 4 |         | ... |  | Ngày 31 |  |
|       | Nơi đi                               | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến |     |  |         |  |
| 1     | 6:00                                 |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| 2     | 7:00                                 |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| 3     |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| ..... |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
|       |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |

*Ghi chú:* Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- + Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- + Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- + Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

**Phụ lục 1b**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60 /2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BIỂU ĐỒ CHẠY XE  
(DO SỞ GTVT NƠI ĐẾN XÂY DỰNG VÀ NIÊM YẾT)**

- Tên tuyến: .....
- Bến xe nơi đi: .....; Bến xe nơi đến: .....
- Mã số tuyến: .....
- Hành trình tuyến: .....
- Cụ ly tuyến: .....
- Tổng số chuyến xe/ngày/tháng: .....

| STT   | Giờ xe xuất bến các ngày trong tháng |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
|-------|--------------------------------------|---------|--------|---------|--------|---------|--------|---------|-----|--|---------|--|
|       | Ngày 1                               |         | Ngày 2 |         | Ngày 3 |         | Ngày 4 |         | ... |  | Ngày 31 |  |
|       | Nơi đi                               | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến | Nơi đi | Nơi đến |     |  |         |  |
| 1     | 6:00                                 | ■       |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| 2     | 7:00                                 |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| 3     |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
| ..... |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |
|       |                                      |         |        |         |        |         |        |         |     |  |         |  |

*Ghi chú:* Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- + Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- + Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- + Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.



**Phụ lục 2a**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên doanh nghiệp, HTX: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
.....  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... / .....  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... do ... (tên cơ quan cấp)...  
cấp ngày ...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến: .....
- Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:..... (3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:.....giờ.... phút, vào các ngày.....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....
- Cự ly vận chuyển: .....km.
- Hành trình chạy xe:.....

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

### Phụ lục 3a

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60 /2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /.....  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### THÔNG BÁO

### GIẢM SỐ CHUYỂN XE CHẠY TRÊN TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: .....( Sở Giao thông vận tải, Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến) .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... ngày ...../...../..... do  
.....(tên cơ quan cấp) ..... cấp.
5. Kể từ ngày...../...../.....Doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ giảm số chuyến chạy xe trên  
tuyến ..... Mã số tuyến:.....  
Nơi đi: ..... Nơi đến: .....(1)  
Bến xe đi: ..... Bến xe đến: .....  
Cự ly vận chuyển: .....km; Hành trình chạy xe: .....  
Hiện đang hoạt động với số chuyến xe: .....(Số chuyến xe/ngày/tuần/tháng).....  
Sẽ giảm xuống còn: .....(Số chuyến xe/ngày/tuần/tháng).....  
Doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ ngừng các giờ xe xuất bến:  
- Tại bến xe đi: ..... giờ..... phút, vào các ngày.....  
- Tại bến xe đến:.....giờ.....phút, vào các ngày.....

#### 6. Danh sách xe ngừng:

| TT  | Biển kiểm soát | Số ghế | Tên đăng ký<br>sở hữu xe | Nhãn<br>hiệu xe | Nước sản<br>xuất | Năm sản<br>xuất |
|-----|----------------|--------|--------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1   |                |        |                          |                 |                  |                 |
| 2.. |                |        |                          |                 |                  |                 |

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### Hướng dẫn ghi:

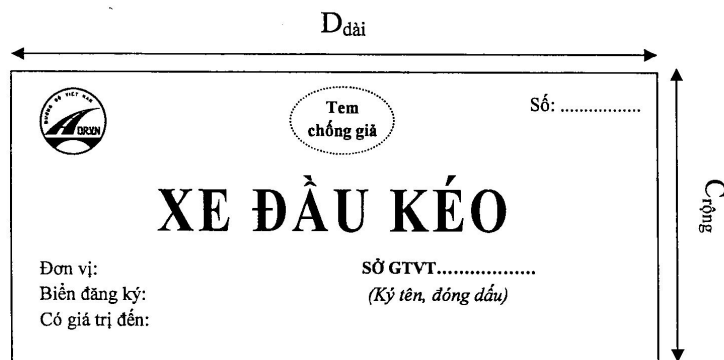
(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

## Phụ lục 4a

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60 /2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

### Phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”

#### 1. Hình minh họa



#### 2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung   | Kiểu chữ                            | Chiều cao chữ<br>(chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số ...../....."                                 | Times New Roman                     | Cỡ chữ 16 - 18                 |                |
| "XE ĐẦU KÉO"                                     | Times New Roman<br>(in hoa) kéo dẫn | 20 mm ± 3 mm                   | 15 mm ± 3 mm   |
| "Đơn vị:"<br>"Biển đăng ký:"<br>"Có giá trị đến" | Times New Roman                     | Cỡ chữ 16 - 18                 |                |

#### 3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài:  $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$ .

Chiều rộng:  $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$ .

#### 4. Màu sắc của phù hiệu

##### a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe đầu kéo không kéo theo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc.

##### b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

Khung viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe đầu kéo không kéo theo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc.